TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176 /2021/DS-PT
Ngày: 18-10-2021
V/v: *"Tranh chấp thừa kế tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Lê Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnhTây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 4, 11 và 18 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/TLPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc "*Tranh chấp thừa kế tài sản*"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phan Kim D** (Phan Kim N), sinh năm 1961; Địa chỉ: Số 22A, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Phan Cẩm H** (Phan Thị Cẩm H), sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số nhà 6/5B, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. Ông **Phan Hồng S**, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số 1/26A, Tổ 2, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

3. Ông **Phan Ngọc T**, sinh năm 1959. Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

4. Bà **Phan Thị Kim V**, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.(có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Phan Thị Kim V: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã T, huyện T, tinh Tây Ninh. (có mặt)

5. Ông **Phan Hồng A**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

6. Ông **Phan Hồng N**, sinh năm 1970. Địa chi: Tổ 6, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

7. Bà **Phan Thị Cẩm L**, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị H, ông Phan Hồng S, ông Phan Ngọc T, ông Phan Hồng A, ông Phan Hồng N: Bà Phan Thị Cẩm L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn bà Phan Cẩm H (Phan Thị Cẩm H) và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung khởi kiện và quá trình giải quyết bà Phan Kim D trình bày:**

Cha mẹ bà là cụ Phan Văn K, sinh năm 1932, chết ngày 04-8-2006 và cụ Võ Thị L, sinh năm 1932, chết ngày 18-5-2002. Cha mẹ chung sống có 09 người con, gồm: Phan Kim D, Phan Thị H, Phan Hồng S, Phan Ngọc T, Phan Thị Kim V, Phan Cẩm H, Phan Hồng A, Phan Hồng N và Phan Thị Cẩm L.

Khi còn sống, cha mẹ có khai phá tạo lập được phần đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 737123, số vào sổ 01352QSDĐ/450310 ngày 28-6-1996 cho cụ Phan Văn K đứng tên. Trên đất có căn nhà lợp tôn cũ nhưng đã tháo dỡ và xây dựng mới căn nhà tường dùng làm nhà thờ cúng vào năm 2011 do em bà là Phan Thị Cẩm L xuất tiền, chi phí để xây cất, các chị em chỉ có góp công sức. Ngoài ra cha mẹ không tạo lập tài sản nào khác.

Ngày 18-5-2002, cụ Võ Thị L chết không có di chúc. Đầu năm 2006, cụ Phan Văn K bệnh nên có yêu cầu các anh chị em họp mặt làm Giấy cam kết giao tài sản nhà, đất cho bà Phan Cẩm H bán để lấy tiền làm chi phí thuốc men, đám ma nếu cụ Phan Văn K mất. Giấy cam kết lập ngày 21-7-2006 có chữ ký của cụ Phan Văn K và các anh chị em, ký tên lăn tay, sau đó bà Phan Cẩm H mang giấy nhờ trưởng ấp xác nhận. Bà Phan Cẩm H chưa bán được đất để lấy tiền chăm sóc cụ Phan Văn K thì đến ngày 04-8-2006 cụ Phan Văn K chết không để lại di chúc.

Ngày 09-5-2011, ông Phan Ngọc T cùng các anh em trong gia đình có họp mặt thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ Phan Văn K, cụ Võ Thị L để lại, cụ thể ông Phan Ngọc T xin nhận 01 phần đất để sử dụng riêng. Các anh chị em của bà đồng ý ký tên, lăn tay trong Giấy cam kết chia đất hương hỏa ngày 09-5-2011. Đến ngày 16-5-2011, các anh chị em tiếp tục lập Giấy cam kết chia đất hương hỏa cho các anh chị em còn lại, cụ thể mỗi người tùy theo điều kiện đều hưởng diện tích ngang nhau là 2.000m^2 đất ruộng hoặc 1.500m^2 đất gò. Tuy nhiên, do bà Phan Cẩm H lấy lý do được cụ Phan Văn K trước khi mất đã giao giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà Phan Cẩm H không chịu giao giấy để các anh chị em làm thủ tục phân chia tài sản thừa kế theo Giấy cam kết ngày 09-5-2011, ngày 16-5-2011. Sau đó, bà Phan Cẩm H tiến hành thủ tục kê khai quyền sử dụng đất để được cấp giấy đất nhưng các anh chị em phát hiện việc kê khai, không đồng ý. Ngày 15-6-2020, bà Phan Kim D gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 09-5-2011, 16-5-2011. Trong quá trình giải quyết, ông Phan Hồng S không yêu cầu nhận tài sản thừa kế, đề nghị tòa án chia đều tài sản thừa kế làm 8 phần.

Bà Phan Kim D yêu cầu tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế gồm nhà, phần đất theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng làm 8 phần cho 08 anh chị em là: Phan Kim D, Phan Thị H, Phan Ngọc T, Phan Thị Kim V, Phan Cẩm H, Phan Hồng A, Phan Hồng N và Phan Thị Cẩm L. Các tài sản trên đất như cây trái, giếng khoan không yêu cầu giải quyết. Chi phí tố tụng bao gồm đo đạc, thẩm định tài sản là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng do bà Phan Kim D tạm ứng nên đề nghị chia đều 8 phần, mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế có nghĩa vụ giao lại số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng/ 1 người cho bà Phan Kim D.

* **Bị đơn Phan Cẩm H trình bày:**

Bà Phan Cẩm H thừa nhận lời trình bày của bà Phan Kim D về cha mẹ là cụ Phan Văn K, Võ Thị L có 09 người con và khi còn sống cha mẹ có tạo lập tài sản (nhà, đất) là đúng.

Nay bà Phan Kim D và các anh chị em tranh chấp với bà về di sản thừa kế (đất, nhà) thì bà không đồng ý vì không có cơ sở. Bởi lý do, phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp cho cụ Phan Văn K năm 1996 đã được cụ Phan Văn K và các anh chị em thỏa thuận lập Giấy cam kết ngày 21-7-2006 là phần tài sản di chúc để tài sản lại cho bà Phan Cẩm H, đến ngày 22-7-2006 bà Phan Cẩm H nhờ trưởng ấp xác nhận nên không phải là di sản hoặc tài sản chưa chia mà đó là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Phan Cẩm H.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Người đại diện hợp pháp của bà Phan Thị H, ông Phan Hồng S, ông Phan Ngọc T, ông Phan Hồng A, ông Phan Hồng N do bà Phan Thị Cẩm L trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bà Phan Kim D. Đối với phần đất (có nhà trên đất) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh đây là tài sản của cụ Phan Văn K, Võ Thị L để lại khi còn sống. Trước khi chết các cụ không để lại di chúc nên đề nghị tòa án phân chia thừa kế theo ý kiến của bà Phan Kim D. Các tài sản trên đất như cây trái là do ông Phan Ngọc T, ông Phan Hồng A trồng, còn giếng khoan là do bà Phan Thị Cẩm L chịu chi phí khoan nên không yêu cầu giải quyết. Đối với căn nhà thứ 2 trên đất là do ông Phan Hồng A bỏ chi phí xây dựng không phải là tài sản thừa kế nên không yêu cầu giải quyết. Chi phí tố tụng bao gồm đo đạc, thẩm định tài sản là 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng do bà Phan Kim D tạm ứng nên bà Phan Thị H, ông Phan Hồng S, ông Phan Ngọc T, ông Phan Hồng A, ông Phan Hồng N, bà Phan Thị Cẩm L đồng ý giao lại số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng/ 1 người cho bà Phan Kim D.

Trong quá trình giải quyết, ông Phan Hồng S không yêu cầu nhận tài sản thừa kế của ông Sơn nếu được hưởng, đề nghị tòa án chia đều tài sản thừa kế làm 8 phần.

Ý kiến bà Phan Thị Cẩm L: Đồng ý theo ý kiến bà Phan Kim D.

Ý kiến bà Phan Thị Kim V, người đại diện hợp pháp của bà Phan Thị Kim V là anh Nguyễn Hữu M trình bày:

Thống nhất lời trình bày của bà Phan Kim D, bà Phan Cẩm H về cha mẹ là cụ Phan Văn K, Võ Thị L có 09 người con và khi còn sống cha mẹ có tạo lập tài sản (nhà, đất) là đúng. Trong quá trình giải quyết, bà Phan Thị Kim V đề nghị tòa án xem xét yêu cầu của bà Phan Cẩm H là được sở hữu, sử dụng phần đất theo Giấy cam kết ngày 21-7-2006.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị Kim V trình bày ý kiến nếu Tòa án phân chia di sản thừa kế thì đối với phần thừa kế bà Phan Thị Kim V được hưởng theo quy định pháp luật, bà Phan Thị Kim V đồng ý giao lại cho bà Phan Cẩm H sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại Sơ đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên đo đạc bản đồ Bình An do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Tây Ninh thẩm định ngày 24-12-2020 thể hiện:

- Phần đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh đo đạc thực tế thửa 86 - trích đo từ thửa 1136, 1137, 1138, 1139, 2617 có diện tích 14.928,8m^2 (trong đó, thửa 1137 diện tích 2.905m^2 là đất trồng cây hàng năm LUK; thửa 1138 diện tích 1.150m^2 có 300m^2 là đất ở tại nông thôn ONT, 850m^2 là đất trồng cây lâu năm CLN; thửa 1139 diện tích 3.470m^2 loại đất CLN) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01352QSDĐ/450310 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28-6-1996; thửa 85, 86, 110 diện tích 7.403,8m^2 không có giấy Chứng nhận; loại đất trồng cây hàng năm LUK; BHK).

- Giá đất thực tế tại địa phương:

+ Đất ở tại nông thôn (ký hiệu ONT) là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng /ha = 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng/m^2.

+ Đất cây lâu năm (ký hiệu CLN): 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng /ha = 140.000 (Một trăm bốn mươi nghìn) đồng/m^2.

+ Đất lúa trồng cây hàng năm (ký hiệu LUK, BHK); đất trồng cây hàng năm (ký hiệu BHK; HNK): 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng /ha = 130.000 (một trăm ba mươi nghìn) đồng/m^2.

- Giá đất theo Quyết định 35/2020/QĐ-UBND ngày 01-9-2020 về việc ban hành Bảng giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 – 2024 xác định:

+ Giá đất ở tại nông thôn thuộc xã loại 2 khu vực 3 vị trí 3 có giá 127.000 đồng/m^2.

+ Giá đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không xác định là đất ở thuộc khu vực nông thôn và đất nông nghiệp trong phạm vi khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch có giá 50% x 127.000 đồng/m^2 = 63.500 đồng/m^2.

- Tài sản trên đất:

+ Nhà cấp 4 tường xây gạch không tô, nền gạch bông, lợp tôn, không la phông (hiện ông Phan Ngọc T đang quản lý, sử dụng) xây dựng năm 2011, tính giá trị nguyên căn là 35.000.000đ/nhà, khấu hao 60%, giá trị còn lại 40% = 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng/nhà.

+ Nhà cấp 4 tường xây gạch tô, nền gạch (hiện ông Phan Hồng A đang quản lý, sử dụng) xây dựng năm 2017, nguyên giá 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, khấu hao 20%, còn lại giá trị 80% = 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng/nhà.

+ 02 (hai) giếng khoan dân dụng (mỗi nhà 01 giếng) có giá 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng/giếng.

+ 01 (một) cây xoài 02 năm tuổi sát nhà ông Phan Ngọc T quản lý giá 575.000 đồng;

+ 01 (một) cây xoài 01 năm tuổi sát nhà ông Phan Ngọc T quản lý giá 125.000 đồng;

+ 03 cây xoài (sát nhà ông Phan Hồng A) 01 năm tuổi có giá 125.000 đồng/cây = 375.000 đồng;

+ 01 bụi tre gồm 08 cây tre trên đất ông Phan Ngọc T quản lý có giá 30.000 đồng/cây = 240.000 đồng;

+ 01 bụi tre gồm 05 cây trên đất ông Phan Hồng A quản lý có giá 30.000 đồng/cây = 150.000 đồng;

+ 04 bụi chuối (mỗi bụi 03 cây) trên đất ông Phan Ngọc T quản lý có giá 96.000 đồng/bụi = 384.000 đồng;

+ 09 cây dừa có trái trên đất ông Phan Ngọc T quản lý có giá 600.000đ/cây = 5.400.000 đồng;

+ 01 cây me trên 08 năm tuổi trên đất ông Phan Ngọc T quản lý có giá 600.000 đồng;

+ 01 cây điều 01 năm tuổi trên đất ông Phan Ngọc T quản lý có giá 62.000 đồng;

+ 01 cây khế trên 09 năm tuổi và 01 cây khế trên 03 năm tuổi trên đất ông Phan Ngọc T quản lý đều có giá 100.000 đồng/cây;

+ 04 cây phát tài dưới 01 mét trên đất ông Phan Ngọc T quản lý giá 40.000 đồng/cây = 160.000 đồng;

+ 01 trụ thanh long 02 năm tuổi trên đất ông Phan Ngọc T quản lý có giá 120.000 đồng;

+ 01 cây bưởi 02 năm tuổi trên đất ông Phan Ngọc T quản lý có giá 220.000 đồng;

+ 02 cây mãng cầu ta 01 năm tuổi trên đất ông Thơ quản lý có giá 100.000đồng/cây = 200.000đồng;

+ 01 cây mít từ 08 năm đến 10 năm tuổi trên đất ông Phan Hồng A quản lý giá 800.000đồng;

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết đối với tất cả các cây trái, giếng khoan và 01 căn nhà (là do ông Phan Hồng A xây dựng) như nêu phần trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Căn cứ Điều 612, 613, 616, 618, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; Điều Điều 147, 155, 156, 157, 158, 163, 164, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Tuyên xử:

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim D, bà Phan Thị H, ông Phan Ngọc T, ông Phan Hồng A, ông Phan Hồng N, bà Phan Thị Cẩm L đối với bà Phan Cẩm H trong "Tranh chấp chia di sản thừa kế".

Tuyên bố phần đất diện tích 14.928,8 m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên đo đạc bản đồ Bình An do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh

Tây Ninh thẩm định ngày 24-12-2020 (trên đất có căn nhà cấp 4 tường xây gạch không tô, nền gạch bông, lợp tôn, không la phông) là di sản thừa kế của cụ Phan Văn K, Võ Thị L sẽ được chia cho những người thừa kế gồm: bà Phan Kim D, bà Phan Thị H, ông Phan Ngọc T, bà Phan Thị Kim V, bà Phan Cẩm H, ông Phan Hồng A, ông Phan Hồng N, bà Phan Thị Cẩm L, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất:

Bà Phan Cẩm H được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.866,1m^2 (đất trồng cây hàng năm ký hiệu LUK; BHK) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (thửa mới 86 tờ bản đồ 32), có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 75 (đất ông Phạm Quang L) dài 28,85m;

+ Nam giáp đường bờ kênh Tân Hưng dài 7,20m; 17,06m;

+ Tây giáp đất bà Phùng Ngọc D dài 44,88m; 22,80m;

+ Đông giáp đất bà Phan Thị Kim V dài 72,76 m;

Tổng giá trị tài sản là: 1866,1m^2 x 130.000đ/m^2 = 242.593.000 (Hai trăm bốn mươi hai triệu năm trăm chín mươi bà nghìn) đồng;

Phần thứ hai:

Bà Phan Thị Kim V được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.866,1m^2 (đất trồng cây hàng năm ký hiệu LUK; BHK) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (thửa mới 86 tờ bản đồ 32), có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 75 (đất ông Phạm Quang L) dài 23,77m;

+ Nam giáp đường bờ kênh Tân Hưng dài 6,29m; 13,83m; 4,17m;

+ Tây giáp đất bà Phan Cẩm H dài 72,76m;

+ Đông giáp đất bà Phan Thị H dài 72,37 m;

Tổng giá trị tài sản là: 1866,1m^2 x 130.000đ/m^2 = 242.593.000 (Hai trăm bốn mươi hai triệu năm trăm chín mươi bà nghìn) đồng;

Phần thứ ba:

Bà Phan Thị H được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.866,1m^2 (đất trồng cây hàng năm ký hiệu LUK; BHK) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (thửa mới 86 tờ bản đồ 32), có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 75 (đất ông Phạm Quang L) dài 21,27m; 3,92m;

+ Nam giáp đường bờ kênh Tân Hưng dài 13,34m; 12,01m;

+ Tây giáp đất bà Phan Cẩm H dài 72,37m;

+ Đông giáp đất ông Phan Ngọc T dài 74,60 m;

Tổng giá trị tài sản là: 1866,1m^2 x 130.000đ/m^2 = 242.593.000 (hai trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn) đồng;

Phần thứ tư:

Ông Phan Ngọc T được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.866,1m^2 (đất cây hàng năm ký hiệu LUK; BHK) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (thửa mới 86 tờ bản đồ 32), có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 129 (đất ông Phạm Quang Lưu) dài 9,76m; 13,90m; 1,77m;

+ Nam giáp đường bờ kênh Tân Hưng dài 12,02m; 14,08m;

+ Tây giáp đất bà Phan Thị H dài 74,60m;

+ Đông giáp đất ông Phan Hồng N dài 69,76 m;

Tổng giá trị tài sản là: 1866,1m^2 x 130.000đ/m^2 = 242.593.000 (hai trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn) đồng;

Phần thứ năm:

Ông Phan Hồng N được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.866,1m^2 (đất trồng cây hàng năm ký hiệu LUK) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (thửa mới 86 tờ bản đồ 32), có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 129 (đất ông Phạm Quang L) và thửa 130 dài 28,06m;

+ Nam giáp đường bờ kênh Tân Hưng dài 21,48m; 7,00m;

+ Tây giáp đất ông Phan Ngọc T dài 69,76m;

+ Đông giáp đất bà Phan Thị Cẩm L dài 69,05 m;

Tổng giá trị tài sản là: 1866,1m^2 x 130.000đ/m^2 = 242.593.000 (hai trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn) đồng;

Phần thứ sáu:

Bà Phan Thị Cẩm L được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.866,1m^2 (đất ở nông thôn ký hiệu ONT; đất trồng cây lâu năm ký hiệu CLN, đất trồng cây hàng năm ký hiệu LUK) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (thửa mới 86 tờ bản đồ 32), có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 131 dài 15,48m; 14,40m;

+ Nam giáp đường bờ kênh Tân Hưng dài 15,50m; 14,43m;

+ Tây giáp đất ông Phan Hồng N dài 69,05m;

+ Đông giáp đất bà Phan Kim D dài 60,96 m;

Tổng giá trị tài sản là:

300m^2 ONT x 150.000đ/m^2 = 45.000.000 đồng;

850m^2 CLN x 140.000đ/m^2 = 119.000.000 đồng

716,1m^2 LUK x 130.000đ/m^2 = 93.093.000 đồng

Tổng giá trị là 257.093.000 đồng

Bà Phan Thị Cẩm L được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 tường xây gạch không tô, nền gạch bông, lợp tôn, không la phông cất trên đất, giá trị là 14.000.000đ.

Tổng cộng giá trị tài sản bà Phan Thị Cẩm L nhận là: 271.093.000 (hai trăm bảy mươi mốt triệu, không trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Phần thứ bảy:

Bà Phan Kim D được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.866,1m^2 (đất trồng cây lâu năm ký hiệu CLN) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (thửa mới 86 tờ bản đồ 32), có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 131 dài 4,32m; 26,44m; 0,71m;

+ Nam giáp đường bờ kênh Tân Hưng dài 4,32m; 27,19m;

+ Tây giáp đất bà Phan Thị Cẩm L dài 60,96m;

+ Đông giáp đất ông Phan Hồng A dài 57,70m;

Tổng giá trị là: 1866,1m2 x 140.000đ/m2 = 261.254.000 đồng (Hai trăm sáu mươi mốt triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn) đồng;

Phần thứ tám: Ông Phan Hồng A được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.866,1m^2 (đất trồng cây lâu năm ký hiệu CLN) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (thửa mới 86 tờ bản đồ 32), có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 771 dài 33,76m;

+ Nam giáp đường bờ kênh Tân Hưng dài 33,75m;

+ Tây giáp đất bà Phan Kim D dài 57,70m;

+ Đông giáp thửa đất 87 dài 53,14m;

Tổng giá trị là: 1866,1m^2 x 140.000đ/m^2 = 261.254.000 đồng (hai trăm sáu mươi mốt triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn) đồng;

Ghi nhận phần cây trồng trên đất, tài sản khác tương ứng trên đất các đương sự không tranh chấp.

Bà Phan Kim D, bà Phan Thị H, ông Phan Ngọc T, bà Phan Thị Kim V, bà Phan Cẩm H, ông Phan Hồng A, ông Phan Hồng N, bà Phan Thị Cẩm L có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Án còn tuyên về chuyển giao trị giá chênh lệch giữa các kỷ phần được hưởng, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 17-5-2021 bà Phan Cẩm H có đơn kháng cáo nội dụng: Không đồng ý với bản án sơ thẩm vì diện tích đất trên cha mẹ đã để lại cho bà Hồng để bà lo hương khói và bà có công gìn giữ tài sản. Bà yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đấ để cho bà được tiếp tục quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng ông bà cha mẹ về sau.

Tại Kháng nghị số: 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18-5-2021 của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, kháng nghị nội Phan Kim D: Xác định giá trị tài sản thừa kế, giá trị từng kỷ phần không chính xác. Phần quyết định của bản án sơ thẩm xác định diện tích cây lâu năm và cây hàng năm không chính xác. Tuyên buộc giao phần tiền chênh lệch giữa các kỷ phần không chính xác và xác định tiền án phí không chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên nội Phan Kim D Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu.

Trong quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phan Cẩm H thay đổi nội Phan Kim D kháng cáo như sau:

- Bà Phan Cẩm H đồng ý chia thừa kế tài sản và cá nhân bà yêu cầu được hưởng 3 kỷ phần vì bà độc thân, không có chồng con sống chung với cha mẹ, có công chắm sóc, nuôi cha mẹ đau bệnh và cùng cha mẹ giữ gìn, tôn tạo đất. Một kỷ phần nhận bằng hiện vật và còn lại nhận bằng giá trị.

- Bà Phan Thị Cẩm L: Không đồng ý vì cho rằng, nguồn gốc diện tích đất trên là của cha mẹ chết để lại, các con là hàng thừa kế đều được hưởng như nhau, khi cha đau bệnh các con đều cùng nhau chăm sóc, cụ thể: bà và những anh em khác là người chi tiền điều trị bệnh, còn bà Phan Cẩm H có công nuôi, chăm sóc, nhà của cha mẹ hư hỏng, bà Phan Cẩm H đã bỏ tiền ra xây, về cúng giỗ cha mẹ do mâu thuẩn nên hiện tại mỗi người tự cúng cha mẹ, bà yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đất để bà thờ cúng là không có cơ sở vì bà đã bỏ đi và hiện tại không sinh sống trên đất.

Bà Phan Thị H: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Phan Thị Kim V: Cho rằng bà Phan Cẩm H là người độc thân, sống chung với cha mẹ, có công chăm sóc quản lý đất, hiện tại bà Hồng về ở chung với gia đình bà, yêu cầu xem xét chấp nhận kháng cáo của bà Phan Cẩm H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi xét xử vụ án. Các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự và chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội Phan Kim D: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Thị Cẩm H và Chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho bà Phan Thị Cẩm H được hưởng thêm 01 kỷ phần bằng giá trị vì bà có công chăm sóc, nuôi bệnh cha mẹ, cùng có công quản lý, giữ gìn đất. Xác định lại tổng giá trị chia thừa kế là 2.003.944.000 đồng, trên cơ sở đó điều chỉnh lại giá chênh lệch và loại đất đã chia thừa kế cho phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tung: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17-5-2021 bà Hồng có đơn kháng cáo, ngày 18-5-2021 Viên Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh có quyết định kháng nghị. Xem xét kháng cáo và kháng nghị đều đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 272; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Nguyên đơn bà Phan Kim D có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Kim D.

[1.2] Về thủ tục tạm ứng án phí: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ban đầu bà Phan Thị Kim V không yêu cầu chia thừa kế, sau đó thay đổi yêu cầu chia thừa kế, phần bà được hưởng sau này sẽ cho bà Phan Thị Cẩm H và tại bản án sơ thẩm đã chia thừa kế tài sản cho bà Phan Thị KimV nhưng phía bà Phan Thị KimV chưa thực hiện nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí sơ thẩm là thiếu sót, cấp phúc thẩm đã khắc phục. Đối với bà Phan Cẩm H, ông Phan Hồng S, ông Phan Ngọc T được miễn tiền án phí do là người cao tuổi và đơn xin miễn án phí phù hợp pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Cụ Võ Thị L, sinh năm 1932, chết ngày 18-5-2002, cụ Phan Văn K, sinh năm 1932, chết 04-8-2006, hai cụ là vợ chồng, sống chung có 09 người con: Phan Thị H, sinh năm 1954, Phan Hồng S, sinh năm 1957, Phan Ngọc T, sinh năm 1959, Phan Kim D (Phan Kim N), sinh năm 1961, Phan Thị Kim V, sinh năm 1964, Phan Cẩm H (Phan Thị Cẩm H), sinh năm 1965, Phan Hồng A, sinh năm 1967, Phan Hồng N, sinh năm 1970, Phan Thị Cẩm L, sinh năm 1972.

Quá trình chung sống 2 cụ tạo dựng được diện tích đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, qua đo đạc thực tế diện tích đất là 14.928,8 m^2 (cụ Phan Văn K đứng tên), hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Phan Câm H cất giữ, hai cụ chết không để lại di chúc. Sau khi cụ Phan Văn K chết, các con họp gia đình chia di sản nhiều lần vào ngày 12-10-2009; 09-5-2011 và 16-5-2011 nhưng không thành. Sau đó bà Phan Kim D (Phan Kim N) có đơn khởi kiện vào ngày 15-6-2020 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Phan Cẩm H, ông Phan Hồng S, ông Phan Hồng A, ông Phan Hồng N, bà Phan Thị Cẩm L có yêu cầu độc lập chia di sản thừa kế, phía bị đơn bà Phan Cẩm H không đồng ý, các bên tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật giải quyết là "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tung dân sự là có căn cứ.

[3] Quá trình giải quyết vụ án ông Phan Hồng S có đơn rút khởi kiện, nội Phan Kim D không yêu cầu chia thừa kế vì đã được cha cho phần đất riêng. Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi nhận. Đình chỉ yêu cầu của ông Phan Hồng S là có căn cứ.

[4] Xét thời hiệu khởi kiện, hàng thừa kết và di sản của người chết để lại, cấp sơ thẩm đã xác định đều phù hợp pháp luật. Đối với di sản chia thừa kế theo pháp luật trong vụ án này là diện tích đất, qua đo đạc thực tế 14.928,8 m^2, trong đó, cụ Phan Văn K được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28-6-1996 diện tích đất là 17.475m^2 (gồm: đất Lúa: 3.775 m^2, đất Thổ cư: 300m^2, đất LN: 3.800 + 9.600= 13.400 m^2) sau đó, đến năm 1997 diện tích đất giảm 9.950 m^2 do tuyến kênh đi qua, diện tích còn lại là 7.525m^2, theo hiện trạng đo đạc thực tế diện tích đất của cụ Phan Văn K và cụ Võ Thị L để lại là: 14.928,8 m^2 trong đó có 7.525m^2 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 7.403,8 m^2 bà Phan Cẩm H kê khai đăng ký chưa được cấp giấy.

[5] Quá trình xác minh thu thập chứng cứ: Cơ quan có thẩm quyền đất đai xã T, huyện T xác định diện tích 7.403,8 m^2 chưa được cấp giấy nhưng không vào huy hoạch, có nguồn gốc là do gia đình cụ Phan Văn K khai khẩn, thuộc diện sẽ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[6] Hiện tại tài sản gắn liền trên đất gồm: Nhà tường cấp 4, trong đó 01 căn do ông Phan Ngọc T quản lý sử dụng của cha mẹ để lại, trên cơ sở bà Phan Kim D và bà Loan chi tiền sửa chữa, xây dựng. Tại biên bản hòa giải 03-02-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (BL162-163) bà Phan Kim D và bà Phan Thị Cẩm L yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất và ưu tiên phần đất có nhà cho ông Phan Ngọc T, hai bà không có yêu cầu trả lại tiền đã bỏ ra xây nhà và 01 căn nhà tường cấp 4 do ông Phan Hồng A quản lý, sử dụng do ông Phan Hồng A xây dựng. Các loại cây trái trên đất các đương sự thống nhất, chia đất nếu được nhận phần đất có cây trái gì thì hưởng cây trái đó, không tranh chấp cây trái. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm xác định căn nhà cấp 4 trên là di sản thừa kế và đối chiếu sơ đồ các diện tích đất mà Tòa cấp sơ thẩm đã chia thì phần đất ông Phan Ngọc T được hường 1.866,1 m^2 là vị trí thứ tư, từ hướng Tây của sơ đồ đất đi sang hướng Đông, đất có 8 cây dừa không có nhà, còn vị trí đất có nhà thì cấp sơ thẩm chia cho bà Phan Thị Cẩm L hưởng, trong khi ông Phan Ngọc T là người đang quản lý, sử

dụng căn nhà trên đất nhưng bà Phan Kim D, ông Phan Ngọc T và bà Phan Thị Cẩm L không có kháng cáo, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, thấy rằng:

Giá trị đất được tính như sau: Thửa đất 1137 là: 2.905 m^2 x 130.000đồng = 377.650.000 đồng.

Thửa 1138 là: 1.150 m^2 (có 300 m^2 x 150.000 đồng) + (850 m^2 x 140.000 đồng) = 164.000.000 đồng.

Thửa 1139 là: 3.470 m^2 x 140.000 đồng = 485.800.000 đồng.

Thửa 85, 86, 110 là: 7.403,8 m^2 x 130.000 đồng = 962.494.000đồng.

Căn nhà cấp 4 trị giá 14.000.000 đồng.

Tổng giá trị di sản thừa kế là: 2.003.944.000 đồng, bản án sơ thẩm xác định là 2.006.566.000 đồng là chưa chuẩn xác và tổng diện tích đất cây lâu năm (CLN) là 4.320 m^2, diện tích cây hàng năm là 10.308,8 m^2, theo quyết định của bản án sơ thẩm đã chia và cộng lại thì diện tích cây lâu năm là 4.582,2 m^2 nhiều hơn đo đạc là 262,2 m^2 và diện tích cây hàng năm là 10.046,8 m^2 ít hơn diện tích đo đạc là 262,2 m^2. Từ đó, cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Có căn cứ chấp nhận Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

[8] Xét kháng cáo của bị đơn Phan Thị Cẩm H, thấy rằng:

[8.1] Tòa cấp sơ thẩm chia thừa kế tài sản là phần đất diện tích 14.928,8 m^2 thành 8 kỷ phần bằng hiện vật, mỗi người được hưởng 1.866,1 m^2. Do đất có thổ cư và chênh lệch chiều dài… nên giá trị không bằng nhau, Tòa sơ thẩm trị giá bằng tiền và giao lại cho kỷ phần có giá trị thấp hơn là phù hợp.

[8.2] Các đương sự không có văn bản thỏa thuận và cũng không thống nhất được diện tích đất trên là di sản dùng vào việc thờ cúng. Do đó, không có căn cứ xác định diện tích 14.928,8 m^2 là di sản dùng vào việc thờ cúng như bị đơn trình bày, mà có căn cứ xác định diện tích 14.928,8 m^2 là di sản thừa kế, được chia theo pháp luật, cụ thể:

[8.3] Bị đơn bà Phan Cẩm H yêu cầu được hưởng 3 kỷ phần, thấy rằng: Trước khi cha của các đương sự chết đã có giấy ủy quyền cho bà Phan Cẩm H bán đất để trị bệnh cho cụ nhưng chưa bán được thì cụ chết. Sau khi cha chết, ngày 12-10-2009 các anh em họp gia đình chia tài sản là diện tích đất trên, ai cũng có phần, riêng bà Phan Cẩm H chia cho 3 phần, có giấy tay nhưng không công chứng và không thực hiện được vì anh chị em mâu thuẩn. Đến 16-5-2011 tiếp tục chia lần 2: ai đất gò thì hưởng 1.500m^2, đất ruộng thì hưởng 2.000m^2, cũng không thành. Theo bà Phan Cẩm H trình bày chia như vậy thôi chứ bà Phan Cẩm H là người giữ giấy đỏ vẫn quản lý, sử dụng đất, không sang tên tách sổ nhưng các anh chị em yêu cầu tách sổ sang tên nên phát sinh mâu thuẩn. Xét thấy các giấy tờ do anh chị em trong gia đình phân chia không có công chứng chứng thực của cơ quan có thẩm quyền và đã phát sinh tranh chấp. Do đó, các giấy tờ trên không có giá trị pháp lý. Tại biên bản xác minh ngày 01-10-2021 của Tòa cấp phúc thẩm thể hiện diện tích đất trên đến thời điểm xác minh không có ai đến xã đăng ký việc thuê, mướn đất theo quy định của pháp luật.

[8.4] Bà Phan Cẩm H xác định bà là người được cha giao giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính, đến nay bà không có cầm cố thế chấp. Bản thân bà là người độc thân, sống chung với cha mẹ từ thuở nhỏ, có công chăm sóc cha mẹ lúc đau bệnh và cùng cha mẹ quản lý, giữ gìn tôn tạo đất. Có căn cứ chia cho bà Phan Cẩm H thêm 01 kỷ phần.

[8.5] Xét về số kỷ phần và giá trị mỗi kỷ phần được chia trên tổng giá trị di sản như sau: Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Võ Thị L và cụ Phan Văn K là 09 người con, trong đó ông Phan Hồng S không yêu cầu chia vì đã được hưởng tài sản, còn lại 8 người tương đương 8 kỷ phần và cộng thêm phần công sức chăm sóc cha mẹ, giữ gìn tôn tạo di sản là 01 kỷ phần cho bà Hồng, tổng cộng là 9 kỷ phần. Tổng giá trị là 2.003.944.000 đồng : 9 = 222.660.444 đồng/ 1 kỷ phần (làm tròn là 222.660.000 đồng), bà Phan Cẩm H yêu cầu nhận kỷ phần chia thêm bằng giá trị, Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, về hiện vật vẫn chia làm 8 kỷ phần, mỗi người được hưởng: 14.928,8 m^2 : 8 = 1.866,1 m^2 theo sơ đồ hiện trạng đất đã được cấp sơ thẩm chia thừa kế.

Vậy, do chia di sản làm 9 kỷ phần, bà Phan Cẩm H được hưởng 2 kỷ phần, 01 kỷ phần bằng hiện vật như cấp sơ thẩm đã chia (là 1.866,1 m^2 đất lúa) và 01 kỷ phần được hưởng thêm trị giá bằng tiền, cụ thể 7 người gồm: Bà Phan Cẩm H, ông Phan Ngọc T, bà Phan Kim D, bà Phan Thị Kim V, ông Phan Hồng A, ông Phan Hồng N, bà Phan Thị Cẩm L mỗi người giao cho bà Phan Cẩm H 1/9 kỷ phần là 24.740.049, 3826 đồng, làm tròn là 24.740.000 đồng cùng với việc khấu trừ giá trị chênh lệch đất được hưởng. Bà Phan Cẩm H được nhận hai kỷ phần tổng giá trị là 222.660.000 đồng x 2 = 445.320.000 đồng, được nhận bằng hiện vật là 1.866,1 m^2 trị giá là 242.593.000 đồng, giá trị thừa là 19.933.000 đồng và nhận thêm là 202.731.000 đồng từ 7 người còn lại (thừa 4.000 đồng do làm tròn số), trong đó: Bà Phan Thị Kim V là 19.933.000 đồng; bà Phan Cẩm H 19.933.000 đồng, ông Phan Ngọc T 19.933.000 đồng, ông Phan Hồng N 19.933.000 đồng, bà Phan Thị Cẩm L 45.811.000 đồng, bà Phan Kim D 38.494.000 đồng, ông Phan Hồng A 38.954.000 đồng.

[9] Từ nhận định trên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hồng, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu. Do có thay đổi về số kỷ phần và giá trị di sản nên cần điều chỉnh tiền án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp pháp luật.

[9.1] Bà Phan Cẩm H, ông Phan Ngọc T là người cao tuổi được miễn tiền án phí dân sự.

[9.2] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Kim D tại thời điểm khởi kiện không phải là người cao tuổi và không có đơn xin miễn án phí, do đó bà phải chịu án phí theo luật định. Bà được hưởng 01 kỷ phần tương đương 222.660.000 đồng x 5% = 11.133.000 đồng tiền án phí. Ghi nhận đã nộp 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0000790 ngày 22-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, còn phải nộp 9.633.000 đồng.

Bà Phan Thị Kim V, ông Phan Hồng N, ông Phan Hồng A, bà Phan Thị Cẩm L mỗi người được hưởng 01 kỷ phần, phải chịu 11.133.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ghi nhận bà Phan Thị Kim V đã nộp 1.125.000 đồng theo biên lai thu số 0006780 ngày 18-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Còn phải nộp 10.008.000 đồng.

Ghi nhận ông Phan Hồng A, ông Phan Hồng N, bà Phan Thị Cẩm L đã nộp 1.125.000 đồng theo các biên lai thu số 0000856, 0000857, 0000858 cùng ngày 08-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Mỗi người còn phải nộp 10.008.000đồng.

Bà Phan Cẩm H được hưởng 02 kỷ phần thừa kế, phải chịu 22.266.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9.3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Cẩm H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I/. Căn cứ Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Cẩm H (Phan Thị Cẩm H).

Chấp nhận Kháng nghị số: 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18-5-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Sửa bán án sơ thẩm

II/. Căn cứ vào các Điều 612; Điều 613; Điều 616; Điều 618; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 147; Điều 155; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 163; Điều 164; Điều 165; Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận khởi kiện của bà Phan Kim D (Phan Kim N). Chấp nhận yêu cầu độc lập của các đương sự: Phan Thị H, Phan Ngọc T, Phan Thị Kim V, Phan Hồng A, Phan Hồng N, Phan Thị Kim Loan đối với bà Phan Cẩm H (Phan Thị Cẩm H) về tranh chấp "Thừa kế tài sản".

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Phan Hồng S.

III/. Tuyên bố phần đất diện tích 14.928,8 m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên đo đạc bản đồ Bình An do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Tây Ninh thẩm định ngày 24-12-2020 (trên đất có căn nhà cấp 4 tường xây gạch không tô, nền gạch bông, lợp tôn, không la phông) là di sản thừa kế của cụ Phan Văn K, Võ Thị L sẽ được chia cho những người thừa kế gồm: bà Phan Kim D (Phan Kim N), bà Phan Thị H, ông Phan Ngọc T, bà Phan Thị Kim V, bà Phan Cẩm H (Phan Thị Cẩm H), ông Phan Hồng A, ông Phan Hồng N, bà Phan Thị Cẩm L, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất:

Bà Phan Cẩm H (Phan Thị Cẩm H) được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.866,1m^2 (đất trồng cây hàng năm ký hiệu LUK; BHK) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (thửa mới 86 tờ bản đồ 32), có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 75 (đất ông Phạm Quang L) dài 28,85m;

+ Nam giáp đường bờ kênh Tân Hưng dài 7,20m; 17,06m;

+ Tây giáp thửa 103 (đất bà Phùng Ngọc D) dài 44,88m; 22,80m;

+ Đông giáp đất chia cho bà Phan Thị Kim V dài 72,76 m;

Trị giá là: 1.866,1m^2 x 130.000đ/m^2 = 242.593.000 đồng (hai trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn). Giá trị được hưởng là 222.660.000 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn), thừa là 19.933.000 đồng (mười chín triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn).

Phần thứ hai:

Bà Phan Thị Kim V được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.866,1m^2 (đất trồng cây hàng năm ký hiệu LUK; BHK) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (thửa mới 86, tờ bản đồ 32), có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 75 (đất ông Phạm Quang L) dài 27,77m;

+ Nam giáp đường bờ kênh Tân Hưng dài 6,29m; 13,83m; 4,17m;

+ Tây giáp đất chia cho bà Phan Cẩm H (Phan Thị Cẩm H) dài 72,76m;

+ Đông giáp đất chia cho bà Phan Thị H dài 72,37 m;

Trị giá là: 1.866,1m^2 x 130.000đ/m^2 = 242.593.000 (hai trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn) đồng. Giá trị được hưởng là 222.660.000 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn), thừa là 19.933.000 đồng (mười chín triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn).

Phần thứ ba:

Bà Phan Thị H được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.866,1m^2 (đất trồng cây hàng năm ký hiệu LUK; BHK) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (thửa mới 86 tờ bản đồ 32), có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 75 (đất ông Phạm Quang L) dài 21,27m; 3,92m;

+ Nam giáp đường bờ kênh Tân Hưng dài 13,34m; 12,01m;

+ Tây giáp đất chia cho bà Phan Thị Kim V dài 72,37m;

+ Đông giáp đất chia cho ông Phan Ngọc T dài 74,60 m;

Trị giá là: 1.866,1m^2 x 130.000đ/m^2 = 242.593.000 (hai trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn) đồng. Giá trị được hưởng là 222.660.000 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn), thừa là 19.933.000 đồng (mười chín triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn).

Phần thứ tư:

Ông Phan Ngọc T được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.866,1m^2 (đất cây hàng năm ký hiệu LUK; BHK) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (thửa mới 86 tờ bản đồ 32), có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 129 (đất ông Phạm Quang L) dài 9,76m; 13,90m; 1,77m;

+ Nam giáp đường bờ kênh Tân Hưng dài 12,02m; 14,08m;

+ Tây giáp đất chia cho bà Phan Thị H dài 74,60m;

+ Đông giáp đất chia cho ông Phan Hồng N dài 69,76 m;

Trị giá là: 1.866,1m^2 x 130.000đ/m^2 = 242.593.000 đồng (hai trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn). Giá trị được hưởng là 222.660.000 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn), thừa là 19.933.000 đồng (mười chín triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn).

Phần thứ năm:

Ông Phan Hồng N được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.866,1m^2 (đất trồng cây hàng năm ký hiệu LUK) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (thửa mới 86 tờ bản đồ 32), có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 129, thửa 130, thửa 131 (đất ông Phạm Quang L) dài 28,06m;

+ Nam giáp đường bờ kênh Tân Hưng dài 21,48m; 7,00m;

+ Tây giáp đất chia cho ông Phan Ngọc T dài 69,76m;

+ Đông giáp đất chia cho bà Phan Thị Cẩm Loan dài 69,05 m;

Trị giá là: 1.866,1m^2 x 130.000đ/m^2 = 242.593.000 đồng (hai trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn). Giá trị được hưởng là 222.660.000 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn), thừa là 19.933.000 đồng (mười chín triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn).

Phần thứ sáu:

Bà Phan Thị Cẩm L được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.866,1m^2 (đất ở nông thôn ký hiệu ONT là 300 m^2; đất trồng cây hàng năm ký hiệu LUK là 978,3 m^2 đất trồng cây lâu năm ký hiệu CLN là 587,8 m^2) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (thửa mới 86 tờ bản đồ 32), có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 131 dài 15,48m; 14,40m;

+ Nam giáp đường bờ kênh Tân Hưng dài 15,50m; 14,43m;

+ Tây giáp đất chia cho ông Phan Hồng N dài 69,05m;

+ Đông giáp đất chia cho bà Phan Kim D (Phan Kim N) dài 60,96 m;

Trị giá là:

300m^2 ONT x 150.000đ/m^2 = 45.000.000 đồng;

587,8m^2 CLN x 140.000đ/m^2 = 82.292.000 đồng

978,3m^2 LUK x 130.000đ/m^2 = 127.179.000 đồng

Căn nhà cấp 4 tường xây gạch không tô, nền gạch bông, lợp tôn, không la phông cất trên đất, giá trị là 14.000.000đ.

Tổng giá trị là: 268.471.000 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi mốt nghìn). Giá trị được hưởng là 222.660.000 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn), thừa là 45.811.000 đồng (bốn mươi lăm triệu, tám trăm mười một nghìn).

Phần thứ bảy:

Bà Phan Kim D (Phan Kim N) được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.866,1m^2 (đất trồng cây lâu năm ký hiệu CLN) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (thửa mới 86 tờ bản đồ 32), có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 131 dài 4,32m; 26,44m; 0,71m;

+ Nam giáp đường bờ kênh Tân Hưng dài 4,32m; 27,19m;

+ Tây giáp đất chia cho bà Phan Thị Cẩm L dài 60,96m;

+ Đông giáp đất chia cho ông Phan Hồng A dài 57,70m;

Trị giá là: 1.866,1m2 x 140.000đ/m^2 = 261.254.000 đồng (hai trăm sáu mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn). Giá trị được hưởng là 222.660.000 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn), thừa là 38.594.000 đồng (ba mươi tám triệu, năm trăm chín mươi tư nghìn).

Phần thứ tám:

Ông Phan Hồng A được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.866,1m^2 (đất trồng cây lâu năm ký hiệu CLN) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (thửa mới 86 tờ bản đồ 32), có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 77 dài 33,76m;

+ Nam giáp đường bờ kênh Tân Hưng dài 33,75m;

+ Tây giáp đất chia cho bà Phan Kim D (Phan Kim N) dài 57,70m;

+ Đông giáp thửa đất 87 dài 53,14m;

Trị giá là: 1.866,1m^2 x 140.000đ/m^2 = 261.254.000 đồng (hai trăm sáu mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn). Giá trị được hưởng là 222.660.000 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn), thừa là 38.594.000 đồng (ba mươi tám triệu, năm trăm chín mươi tư nghìn).

* Ghi nhận phần cây trồng trên đất, tài sản khác tương ứng trên đất các đương sự không tranh chấp.

* Các ông bà có nghĩa vụ giao lại số tiền 202.731.000 đồng cho bị đơn Phan Cẩm H (Phan Thị Cẩm H) cụ thể:

Bà Phan Thị Kim V có nghĩa vụ giao cho bà Phan Cẩm H số tiền là 19.933.000 đồng (mười chín triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn).

Bà Phan Thị H có nghĩa vụ giao cho bà Phan Cẩm H số tiền 19.933.000 đồng (mười chín triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn).

Ông Phan Ngọc T có nghĩa vụ giao cho bà Phan Cẩm H số tiền là 19.933.000 đồng (mười chín triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn).

Ông Phan Hồng N có nghĩa vụ giao cho bà Phan Cẩm H số tiền là 19.933.000 đồng(mười chín triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn).

Bà Phan Thị Cẩm L có nghĩa vụ giao cho bà Hồng số tiền là 45.811.000 đồng (bốn mươi lăm triệu, tám trăm mười một nghìn).

Bà Phan Kim D (Phan Kim N) có nghĩa vụ giao cho bà Phan Cẩm H số tiền là 38.494.000 đồng (ba mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn).

Ông Phan Hồng A có nghĩa vụ giao cho bà Hồng số tiền là 38.954.000 đồng (ba mươi tám triệu, chín trăm năm mươi bốn nghìn).

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 737123, số vào sổ 01352QSDĐ/450310 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28-6-1996 cho cụ Phan Văn K đứng tên, cho phù hợp với quyết định của bản án này. Ghi nhận bà Phan Cẩm H (Phan Thị Cẩm H) đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 737123, số vào sổ 01352QSDĐ/450310 ngày 28-6-1996.

IV/. Chi phí tố tụng: Bà Phan Kim D đã tạm ứng 18.000.000 đồng. Buộc bà Phan Cẩm H, ông Phan Ngọc T, bà Phan Thị Kim Vân, bà Phan Thị H, bà Phan Thị Cẩm L, ông Phan Hồng N, ông Phan Hồng A mỗi người giao lại cho bà Phan Kim D số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu). Bà Phan Kim D tự nguyện chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu).

V. Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Cẩm H, ông Phan Ngọc T là người cao tuổi, được miễn tiền án phí dân sự.

- Bà Phan Kim D phải chịu 11.133.000 đồng (mười một triệu, một trăm ba mươi ba nghìn) tiền án phí. Ghi nhận đã nộp 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0000790 ngày 22-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, còn phải nộp 9.633.000 đồng (chín triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn).

- Bà Vân, ông Nhân, ông Ân, bà Loan mỗi người phải chịu 11.133.000 đồng (mười một triệu, một trăm ba mươi ba nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ghi nhận bà Phan Thị Kim V đã nộp 1.125.000 đồng theo biên lai thu số 0006780 ngày 18-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Còn phải nộp 10.008.000 đồng (mười triệu, không trăm lẽ tám nghìn).

Ghi nhận ông Phan Hồng A, ông Phan Hồng N, Phan Thị Cẩm L đã nộp 1.125.000 đồng theo các biên lai thu số 0000856, 0000857, 0000858 cùng ngày 08-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Mỗi người còn phải nộp 10.008.000đồng (mười triệu, không trăm lẽ tám nghìn).

- Bà Phan Cẩm H phải chịu 22.266.000 đồng (hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn).

VI. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Cẩm H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất chậm trả đối với số tiền chưa thi hành theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao TPHCM

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND Tối cao Hà Nội (Vụ 2)
- TAND huyện Tân Châu;
- VKSND huyện Tân Châu;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS huyện Tân Châu;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Phạm Thị Thanh Giang